

Bản án số: 120/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17/10/2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu Trang
Ông Từ Xuân Tiếng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Linh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 227/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Vĩnh Long.

** Bị đơn:* Anh Trần Quốc C, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2018, bản tự khai ngày 11/6/2018 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Chị và anh Trần Quốc C tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến tháng 10/2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C đi làm ăn xa, không quan tâm cuộc sống của chị và con dẫn đến bất đồng quan điểm. Nay chị H thấy cuộc sống hôn nhân đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh C có 01 người con chung tên Trần Trung H1 sinh ngày 18/11/2012. Hiện nay, cháu H1 đang sống với chị H. Sau khi anh chị ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H1, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu H1.

Về tài sản chung: chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Quốc C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải và công khai chứng cứ tại tòa, cũng như vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tổ tụng và quan hệ tranh chấp:* chị H và anh C tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh C phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh C, quyền yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H được Tòa án xem xét giải quyết theo qui định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Trần Quốc C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt anh C là phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Xét lời trình bày của chị H thì sau khi kết hôn, chị H và anh C sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C đi làm ăn xa (ít liên lạc về gia đình), không quan tâm đến cuộc sống của chị và con dẫn đến anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của đại diện chính quyền địa phương nơi anh C và chị H sinh sống ngày 28/6/2018 thể hiện do việc làm của chị H và anh C không thuận lợi (thua lỗ) dẫn đến mâu thuẫn nên chị H đã đi làm ăn xa không còn chung sống với anh C tại ấp An Thuận, xã Tân Thanh khoảng 02- 03 năm nay. Tại phiên tòa, chị H trình bày chị và anh C đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh chị không liên lạc với nhau, không quan tâm nhau cũng như không tìm giải pháp hàn gắn tình cảm gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy: cuộc sống hôn nhân của anh C, chị H không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng không được đảm bảo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung:* chị H và anh C có 01 người con chung tên Trần Trung H1 sinh ngày 18/11/2012. Hiện nay, cháu H1 đang sống với chị H. Sau khi anh chị ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H1, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu H1. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi cũng như quá trình phát triển tâm sinh lý của con. Xét thấy cháu Trần Trung H1 hiện đang sống với chị H, điều kiện sinh hoạt là ổn định. Từ khi anh C đi làm xa đến nay chị H là người trực tiếp nuôi con cũng đảm bảo được điều kiện về vật chất và tinh thần. Hội đồng xét xử xét thấy, chấp nhận yêu cầu của chị H là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là phù

hợp với qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu H1.

[4]. *Về tài sản chung*: chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về nợ chung*: chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Kim H phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

[1]. *Về hôn nhân*:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim H với anh Trần Quốc C. Chị Nguyễn Thị Kim H được quyền ly hôn với anh Trần Quốc C.

[2]. *Về con chung*:

Chị Nguyễn Thị Kim H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Trần Trung H1 sinh ngày 18/11/2012. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3]. *Về tài sản chung*: chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về nợ chung*: chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Kim H phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016834 ngày 22/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị H đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Kim H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Quốc C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Nga